TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **35**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 9 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Đình Liên và ông Nhữ Văn Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hiếu – Thư ký viên TAND huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Quế - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 về việc "*ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đoàn Văn T - sinh năm 1999 (*Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt).*

Nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị G - sinh năm 2002 (*Vắng mặt).*

Nơi thường trú: Thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn B, xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Người làm chứng:

+ Bà Nhữ Thị L, sinh năm 1967 (*Vắng mặt).*

Nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

+ Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1977 (*Vắng mặt).*

Nơi cư trú: Thôn B, xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đoàn Văn T trình bày yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T1 và chị Nguyễn Thị G được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương vào ngày 22/9/2021. Sau khi kết hôn, anh và chị G về chung sống với nhau tại gia đình anh ở thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống, chị G muốn ra ở riêng nhưng anh không muốn nên vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau. Đến tháng 08/2023, do mâu thuẫn nên anh và chị G ly thân cho đến nay, chị G về nhà bố mẹ đẻ sau đó bỏ đi nơi khác sinh sống. Sau khi vợ chồng ly thân, thời gian đầu vợ chồng vẫn còn liên lạc, chị G vẫn về thăm con nhưng đến khoảng tháng 02/2024 anh không liên lạc được với chị G, chị G cắt đứt liên lạc với anh, anh có đến nhà bố mẹ đẻ chị G ở thôn B để tìm nhưng không gặp chị G. Anh không biết hiện chị G đang ở đâu, làm gì. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn chị Nguyễn Thị G.

Về con chung: Anh xác định anh và chị Nguyễn Thị G có 01 con chung là Đoàn Minh K, sinh ngày 12/4/2022 hiện đang ở cùng với anh. Anh đề nghị giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi con vì hiện nay con chung đang ở ổn định cùng với anh. Trong trường hợp anh nuôi con, anh tự nguyện không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

Về điều kiện nuôi con: Anh xác định có nơi cư trú ổn định tại thôn V, xã T và có công việc ổn định là công nhân tại Công ty S tại khu công nghiệp Đ, huyện C, tỉnh Hải Dương với mức thu nhập ổn định từ 11.000.000đ đến 13.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về ý kiến của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhưng bị đơn chị Nguyễn Thị G đều vắng mặt do đó không ghi nhận được ý kiến của chị G.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương và ghi lời khai những người làm chứng.

Theo trưởng thôn V cung cấp: Chị G và anh T1 có quan hệ là vợ chồng và chung sống với nhau tại thôn V một thời gian. Quá trình anh T1, chị G chung sống có mâu thuẫn tuy nhiên do hai vợ chồng chung sống ở thôn V một thời gian ngắn, khi xảy ra mâu thuẫn không đề nghị địa phương hòa giải nên cụ thể của vợ chồng mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm được. Địa phương cũng nắm được vợ chồng chị G, anh T1 đã ly thân hơn 01 năm nay.

Ý kiến của bà Nhữ Thị L: Bà L là mẹ đẻ của anh Đoàn Văn T. Anh T1, chị G được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Sau khi cưới, vợ chồng về chung sống cùng gia đình bà tại thôn V. Quá trình chung sống, hai bên có nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T1 muốn đi lao động nước ngoài nhưng chị G không đồng ý, sau đó chị G còn yêu cầu vợ chồng ra ở riêng nhưng anh T1 không đồng ý. Đến khoảng tháng 08/2023, chị G và anh T1 ly thân, chị G chỉ thỉnh thoảng về thăm con. Về con chung, anh T1 và chị G có 01 con chung là cháu Đoàn Minh K, sinh ngày 12/4/2022 hiện đang ở cùng anh T1 tại gia đình bà. Hiện bà đang giúp anh T1 chăm sóc con khi anh T1 đi làm. Bà đề nghị giải quyết cho anh T1 tiếp tục nuôi con vì chị G hiện không rõ nơi cư trú.

Ý kiến của ông Nguyễn Văn X: Ông X là bố của chị Nguyễn Thị G. Ông X xác định chị G và anh T1 được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau tại xã T. Sau ngày cưới, chị G về chung sống với anh T1 ở nhà anh T1 ở thôn V. Do hai bên chung sống với nhau ở thôn V nên cụ thể mâu thuẫn vợ chồng anh T1, chị G như thế nào ông không nắm được. Tuy nhiên, chị G có nắm được việc anh T1 làm đơn xin ly hôn chị G tại Tòa án và chị G có nói với ông để vợ chồng tự giải quyết. Ông còn nhớ một lần ông có nghe chị G kể về việc chị G mới sinh con nhưng mẹ chồng đã yêu cầu chị G đi làm để lấy tiền trả nợ cho anh T1, chị G không đồng ý nên phát sinh mâu thuẫn với gia đình anh T1. Ông không biết chị G đang ở đâu, làm gì và việc chị G đi nước ngoài. Hiện nay, chị G vẫn liên lạc với gia đình nên ông đồng ý nhận thay chị G các văn bản tố tụng của tòa án để thông báo lại cho chị G.

Qua tra cứu tại Phòng Q – Công an tỉnh H xác định chị Nguyễn Thị G hiện đã xuất cảnh đi nước ngoài vào ngày 16/7/2024 qua cửa khẩu N, chưa có thông tin nhập cảnh của lần xuất cảnh này.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn anh Đoàn Văn T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên quan điểm khởi kiện. Bị đơn chị Nguyễn Thị G vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng, đảm bảo các nguyên tắc xét xử theo các Điều từ 239 - 244, Điều 246, 247, 249 - 252, Điều 254, 260, 263 BLTTDS. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn đã thực hiện không đúng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS, không có mặt tại các buổi làm việc, hòa giải, ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đoàn Văn T, xử cho anh Đoàn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị G.

+ Về con chung: Giao cho anh Đoàn Văn T được quyền tiếp tục nuôi con chung Đoàn Minh K, sinh ngày 12/4/2022 và chấp nhận sự tự nguyện của anh T về việc không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Anh Đoàn Văn T là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Đoàn Văn T khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị G và yêu cầu giải quyết về quyền nuôi con, không yêu cầu phân chia tài sản chung nên quan hệ tranh chấp của vụ án được xác định là "*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*". Quá trình giải quyết vụ án xác định nơi cư trú của chị G là trên địa bàn huyện B, tỉnh Hải Dương và theo Phòng Q – Công an tỉnh H cung cấp hiện chị Nguyễn Thị G đã xuất cảnh đi nước ngoài vào ngày 16/7/2024 qua cửa khẩu N và chưa nhập cảnh lại Việt Nam, thời điểm chị G xuất cảnh là sau khi tòa án đã thụ lý vụ án do vậy không làm thay đổi thẩm quyền giải quyết vụ án vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh

Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Đoàn Văn T vắng mặt và đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án, theo gia đình chị G cung cấp chị G đã biết việc Tòa án thụ lý vụ án ly hôn theo yêu cầu của anh T nhưng đã không đến tòa án làm việc, hiện chị G không có mặt tại địa phương nhưng vẫn liên lạc về gia đình, gia đình chị G đồng ý nhận thay chị G văn bản của Tòa án và có trách nhiệm thông báo lại cho chị G. Đến nay, dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn chị Nguyễn Thị G đều vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T và chị G theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về các quan hệ pháp luật cần giải quyết:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đoàn Văn T và chị Nguyễn Thị G được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương vào ngày 22/9/2021 theo như Giấy chứng nhận kết hôn số 47 của UBND xã T do anh T cung cấp. Khi đăng ký kết hôn, anh T và chị G đều tự nguyện, đủ các điều kiện kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn của vợ chồng: Căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, anh T xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng nhau quan điểm sống, chị G muốn ra ở riêng nhưng anh T không đồng ý nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Đến khoảng tháng 08/2023 do mâu thuẫn hai vợ chồng đã ly thân, chị G bỏ đi nơi khác sinh sống. Trong thời gian vợ chồng ly thân, hai bên không có biện pháp nào hàn gắn tính cảm, giải quyết mâu thuẫn. Theo gia đình anh T, gia đình chị G và trưởng thôn Vạc xác định hai vợ chồng anh T và chị G có mâu thuẫn, hai vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm nhau như anh T trình bày. Đến nay, vợ chồng ly thân, anh T không liên lạc được với chị G và chị G cũng không cho anh T biết việc chị đã xuất cảnh đi nước ngoài. Từ những căn cứ trên xác định anh T, chị G có mâu thuẫn không thể hàn gắn được, vợ chồng đã không còn tình nghĩa, không có biện pháp đoàn tụ do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, xử cho anh T ly hôn chị G là phù hợp khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh Đoàn Văn T xác định vợ chồng có 01 con chung là Đoàn Minh K, sinh ngày 12/4/2022 hiện đang ở cùng anh T.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T đề nghị tòa án giải quyết cho anh được tiếp tục nuôi con Đoàn Minh K cho đến khi con trưởng thành. Chị G vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến về quyền nuôi con.

Căn cứ theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đối với con dưới 36

tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi tuy nhiên xem xét việc con chung hiện do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định từ khi còn nhỏ cho đến nay. Bản thân chị G không trực tiếp nuôi con, chị G đã xuất cảnh đi nước ngoài từ tháng 07/2024 và chưa nhập cảnh lại Việt Nam nên không thể có điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Mặt khác, anh T hiện nay có nơi cư trú ổn định tại thôn V, xã T và có công việc ổn định là công nhân tại Công ty S tại khu công nghiệp Đ với mức thu nhập ổn định từ 11.000.000đ đến 13.000.000đ/tháng, gia đình anh T cũng giúp đỡ anh T trong việc chăm sóc con chung nên anh T có đủ điều kiện để nuôi con. Từ những căn cứ nêu trên, giao cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đoàn Minh K cho đến khi con chung tròn 18 tuổi trưởng thành là phù hợp hơn so với việc giao con chung cho chị G nuôi dưỡng do vậy cần chấp nhận ý kiến của anh T về việc giao cho anh T tiếp tục nuôi con chung Đoàn Minh K cho đến khi con chung trưởng thành, tròn 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T tự nguyện không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con nên cần chấp nhận sự tự nguyện nêu trên của anh T.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh Tuấn không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đoàn Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đoàn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị G.

2. Về con chung: Giao cho anh Đoàn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đoàn Minh K, sinh ngày 12/4/2022 (hiện đang ở cùng với anh Đoàn Văn T) cho đến khi con chung tròn 18 tuổi trưởng thành.

Chị Nguyễn Thị G có quyền, nghĩa vụ thăm nom đối với con chung mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đoàn Văn T về việc không yêu cầu chị Nguyễn Thị G cấp dưỡng nuôi con.

3. Về **tài sản chung, nợ chung, công sức:** Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Đoàn Văn T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được đối trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí anh T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án ký hiệu BLTU/23 số 0002157 ngày 28 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Anh Đoàn Văn T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo phần bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Thái Học, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Duy Hải